

CHÍNH PHỦ
Số: /2024/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày tháng năm 2024

NGHỊ ĐỊNH

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 58/2017/NĐ-CP
NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 2017 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT
MỘT SỐ ĐIỀU CỦA BỘ LUẬT HÀNG HẢI VIỆT NAM VỀ QUẢN LÝ HOẠT
ĐỘNG HÀNG HẢI, ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ
69/2022/NĐ-CP NGÀY 23 THÁNG 9 NĂM 2022 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ
74/2023/NĐ-CP NGÀY 11 THÁNG 10 NĂM 2023**

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải, đã được sửa đổi, bổ sung bởi nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2022 và nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2023.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2022 và Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2023

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 16 và bổ sung khoản 21, 22, 23, 24, 25 vào sau khoản 20 Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 16 Điều 3 như sau:

*“16. Bến phao là hệ thống thiết bị phao neo, xích, rùa và các thiết bị khác được sử dụng cho **tàu thuyền** neo đậu, bốc dỡ hàng hóa, đón, trả hành khách và thực hiện các dịch vụ khác.”*

b) Bổ sung khoản 21, 22, 23, 24, 25 vào sau khoản 20 Điều 3 như sau:

“21. Công trình hàng hải bao gồm bến cảng, cầu cảng, cảng dầu khí ngoài khơi, bến phao, luồng hàng hải, vũng quay tàu, báo hiệu hàng hải, hệ thống hỗ trợ hàng hải, đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ được đầu tư xây dựng hoặc thiết lập trong vùng nước cảng biển và vùng biển của Việt Nam.

22. Phương tiện, thiết bị hỗ trợ tàu lặn là tàu thuyền gồm tàu mẹ hỗ trợ tàu lặn và các tàu thuyền khác, thiết bị phục vụ, hỗ trợ hoạt động khai thác của tàu lặn.

23. Tàu mẹ hỗ trợ tàu lặn là tàu trực tiếp nâng, hạ tàu lặn để thực hiện hoạt động lặn.

24. Vùng hoạt động tàu lặn là vùng nước trong vùng nước cảng biển tàu lặn được phép hoạt động trong phạm vi ranh giới an toàn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

25. Thuyền viên tàu lặn gồm: thuyền viên điều khiển tàu lặn và thuyền viên hỗ trợ điều khiển tàu lặn.”

2. Sửa đổi, bổ sung tên Mục 1 Chương II như sau:

“Mục 1. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Nguyên tắc đầu tư xây dựng, thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư xây dựng công trình hàng hải

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài đầu tư xây dựng **xây dựng công trình hàng hải** phải tuân thủ các quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Việc đầu tư xây dựng **xây dựng công trình hàng hải** phải phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển và các quy hoạch khác có liên quan đã được phê duyệt; trường hợp dự án đầu tư **xây dựng công trình hàng hải** có sự khác biệt so với quy hoạch phát triển cảng biển đã được phê duyệt, trước khi triển khai dự án, chủ đầu tư phải báo cáo và được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chấp thuận.

3. Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu neo đậu, **khu** chuyên tải có trách nhiệm đầu tư xây dựng, thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển, luồng hàng hải chuyên dùng, khu nước, vùng nước trừ trường hợp luồng hàng hải công cộng, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, vùng quay trở hiện có tại khu vực đáp ứng được nhu cầu cho tàu thuyền hoạt động tại cảng chuyên dùng đó.

4. Việc quyết định chủ trương đầu tư công trình hàng hải thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Giao thông vận tải.”

4. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 6 và khoản 1, khoản 4 Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 6 như sau:

“Điều 6. Thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết công trình hàng hải.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

1. Trước khi phê duyệt dự án đầu tư, chủ đầu tư gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam hồ sơ đề nghị thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết **công trình hàng hải**. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đề nghị thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết ***công trình hàng hải***;

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này;

c) Bản chính hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính bản vẽ mặt bằng công trình thể hiện tọa độ vị trí công trình chính và các công trình phụ trợ khác, khoảng cách từ biên công trình đến các công trình liền kề;

d) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ pháp lý về khu đất nghiên cứu dự án (cụ thể tọa độ biên khu đất);

đ) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy đối với các công trình có yêu cầu riêng về khoảng cách an toàn phòng cháy chữa cháy với công trình liền kề.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 6 như sau:

“4. Trước khi tiến hành xây dựng ***công trình hàng hải***, chủ đầu tư gửi Cục Hàng hải Việt Nam bản sao quyết định đầu tư xây dựng công trình kèm theo bình đồ bố trí mặt bằng tổng thể, bản sao quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình để phục vụ công tác quản lý”.

5. Sửa đổi bổ sung điểm a khoản 2 Điều 8

“a) Xây dựng các ***công trình hàng hải***;

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 14 như sau:

“b) Bản chính hoặc bản sao điện tử từ bản chính biên bản nghiệm thu để đưa công trình đã hoàn thành xây dựng vào sử dụng có kèm theo Văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình theo quy định, bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chiếu đứng và mặt cắt ngang công trình bến cảng, cầu cảng và các khu nước, vùng nước;

c) ***Bản chính hoặc bản sao điện tử từ bản chính:*** Thông báo hàng hải kèm theo bình đồ của luồng hàng hải cho tàu thuyền vào, rời bến cảng, cầu cảng và các khu nước, vùng nước; biên bản nghiệm thu giữa chủ đầu tư và cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về kết quả khảo sát mặt đáy vùng nước trước bến cảng, cầu cảng và các khu nước, vùng nước;

d) ***Bản chính hoặc bản sao điện tử từ bản chính*** quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

đ) ***Bản chính hoặc bản sao điện tử từ bản chính*** văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

e) Bản sao văn bản chứng nhận an ninh bến cảng theo quy định.”

b) Bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 Điều 14 như sau:

“7. Bến cảng, cầu cảng, bến phao sau khi hoàn thành công tác đầu tư xây dựng, đáp ứng điều kiện nghiệm thu một phần theo quy định của pháp luật về xây dựng có thể đưa vào khai thác tạm nhưng phải đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường. Căn cứ quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển tại khu vực, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quyết định công bố mở bến cảng, cầu cảng, bến phao đưa vào khai thác tạm.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 20 như sau:

“2. Định kỳ vào tháng 3 hàng năm, Cục Hàng hải Việt Nam lập và gửi 01 bộ hồ sơ đến Bộ Giao thông vận tải đề nghị công bố danh mục bến cảng thuộc các cảng biển Việt Nam. Hồ sơ gồm:

- a) Tờ trình đề nghị công bố danh mục bến cảng thuộc cảng biển Việt Nam theo Mẫu số 64 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;*
- b) Dự thảo danh mục bến cảng thuộc các cảng biển Việt Nam;*
- c) Bản sao Quyết định công bố bến cảng.*

Bộ Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn Cục Hàng hải Việt Nam hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc kể từ nhận được hồ sơ, Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định công bố danh mục bến cảng thuộc cảng biển Việt Nam theo Mẫu số 65 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 22 như sau:

“2. Kết cấu hạ tầng cảng biển phải được bảo trì theo quy định theo pháp luật về xây dựng.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 23 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 23 như sau:

2. Luồng hàng hải công cộng do Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức quản lý vận hành.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 23 như sau:

“3. Luồng hàng hải chuyên dùng do doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý vận hành phục vụ duy nhất hoạt động của cảng chuyên dùng. Trường hợp luồng hàng hải chuyên dùng chuyển thành luồng hàng hải công cộng phù hợp với quy hoạch phát triển luồng hàng hải được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được xem xét hoàn trả một phần vốn đầu tư theo quy định của Bộ Tài chính. Bộ Tài chính hướng dẫn trình tự và phương thức xác định giá trị luồng, kinh phí hoàn trả vốn đầu tư khi chuyển giao luồng hàng hải chuyên dùng thành luồng hàng hải công cộng.”

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

“Điều 24: Dịch vụ công bảo đảm an toàn hàng hải

1. Dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải

a) Vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập (bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải phát sinh để đảm bảo hoạt động của đèn biển, đăng tiêu độc lập);

b) Vận hành, bảo trì hệ thống luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả báo hiệu chướng ngại vật; kiểm tra thường xuyên đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng và kè bảo vệ bờ luồng hàng hải, trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên ngành hàng hải, nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải phát sinh để đảm bảo hoạt động của luồng hàng hải, vùng nước cảng biển);

c) Khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu), khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển được giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải thuộc Bộ Giao thông vận tải quản lý.

2. Dịch vụ sự nghiệp công thông tin duyên hải.

3. Dịch vụ công bảo đảm an toàn hàng hải khác

a) Thông báo hàng hải;

b) Nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng để đảm bảo độ sâu của luồng theo chuẩn tắc thiết kế;

c) Bảo trì, cải tạo, nâng cấp và sửa chữa đột xuất tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải thuộc Bộ Giao thông vận tải quản lý;

d) Điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải;

đ) Khảo sát, xây dựng và phát hành, cập nhật hải đồ vùng nước cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải;

e) Xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải;

g) Hoa tiêu hàng hải;

h) Tìm kiếm, cứu nạn hàng hải;

i) Xử lý, truyền phát thông tin an ninh hàng hải;

k) Thanh thải chướng ngại vật ảnh hưởng đến an toàn hàng hải;

l) Vận hành, bảo trì Hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải;

m) Các dịch vụ công bảo đảm an toàn hàng hải khác theo quy định của pháp luật.

4. Bộ Giao thông vận tải tổ chức thực hiện việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu đối với dịch vụ công bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

“Điều 25. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hàng hải tạm thời

Kết cấu hạ tầng hàng hải tạm thời được thiết lập để phục vụ xây dựng các công trình, dự án hoặc phục vụ mục đích kinh doanh khai thác tạm của doanh nghiệp trong thời gian doanh nghiệp đó đang đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hàng hải tại khu vực theo thỏa thuận của cấp có thẩm quyền.

1. Điều kiện thiết lập kết cấu hạ tầng hàng hải tạm thời:

a) Phục vụ mục đích xây dựng công trình, dự án;

b) Kết cấu hạ tầng hàng hải hiện tại chưa đáp ứng đủ nhu cầu cấp thiết tại khu vực;

2. Thời hạn hoạt động của kết cấu hạ tầng hàng hải tạm thời chấm dứt khi công trình, dự án hoàn thành việc thi công xây dựng hoặc kết cấu hạ tầng cảng biển tại khu vực đã đáp ứng đủ nhu cầu, nhưng tối đa không quá 03 năm.

3. Thủ tục thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hàng hải tạm thời.

a) Chủ đầu tư gửi trực tiếp 01 văn bản hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Hàng hải Việt Nam đề nghị thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời.

b) Đối với kết cấu hạ tầng hàng hải tạm thời phục vụ mục đích xây dựng công trình, dự án, chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, Cục Hàng hải Việt Nam lấy ý kiến của Cảng vụ Hàng hải khu vực và các cơ quan liên quan. Chậm nhất 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan, Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm trả lời chủ đầu tư về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hàng hải tạm thời và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến chủ đầu tư.

c) Đối với kết cấu hạ tầng hàng hải tạm thời là bến phao, khu chuyển tải phục vụ mục đích kinh doanh khai thác tạm của doanh nghiệp trong thời gian đang đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hàng hải tại khu vực, chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thiết lập bến phao, khu chuyển tải. Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời Cục Hàng hải Việt Nam. Chậm nhất 03 ngày làm việc sau khi nhận được văn bản của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm trả lời chủ đầu tư về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hàng hải tạm thời và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến chủ đầu tư.

4. Trước khi tiến hành xây dựng kết cấu hạ tầng hàng hải tạm thời, chủ đầu tư gửi Cục Hàng hải Việt Nam bản sao quyết định đầu tư xây dựng công trình kèm theo bình đồ bố trí mặt bằng tổng thể, bản sao quyết định phê duyệt thiết kế xây

dựng công trình và phương án đảm bảo an toàn hàng hải để phục vụ công tác quản lý.

5. Việc đưa kết cấu hạ tầng hàng hải tạm thời vào sử dụng được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

6. Đối với kết cấu hạ tầng hàng hải tạm thời phục vụ mục đích xây dựng công trình, dự án khi công bố đưa vào sử dụng thì không phải nộp các giấy tờ quy định tại các điểm d, đ khoản 3 Điều 14 Nghị định này và văn bản Thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.”

12. Bổ sung điểm h vào sau điểm g khoản 3 Điều 39 như sau:

“h) Vùng nước hoạt động của nhà máy điện gió trên biển.”

13. Bổ sung điểm e và g vào sau điểm đ khoản 2 Điều 44 như sau:

“e) Ba (03) năm một lần, Bộ Giao thông vận tải công bố Danh mục định kỳ khảo sát các tuyến luồng hàng hải công cộng, vùng đón trả hoa tiêu.

g) Ba (03) năm một lần, Cục Hàng hải Việt Nam công bố Danh mục định kỳ khảo sát các tuyến luồng hàng hải chuyên dùng, vùng nước trước bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh trú bão.”

14. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 52 như sau:

“đ) Bản sao phương án bảo đảm an toàn *hàng hải* được cấp có thẩm quyền phê duyệt;”

15. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 và bổ sung điểm g vào sau điểm e Điều 62 như sau:

a) 15. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 Điều 62 như sau:

“e) Chỉ được tiến hành các các hoạt động lặn (*lặn phục vụ kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng tàu thuyền; lặn trực vớt tàu thuyền, tài sản chìm đắm*), hoạt động sửa chữa, hạ xuống cứu sinh hoặc các công việc ngầm dưới nước liên quan đến hoạt động hàng hải sau khi được Cảng vụ hàng hải chấp thuận. Thủ tục xin phép thực hiện như sau: Người làm thủ tục gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cảng vụ hàng hải văn bản đề nghị theo Mẫu số 35 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Chậm nhất 04 giờ làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Cảng vụ hàng hải có văn bản trả lời; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.”

b) Bổ sung điểm g vào sau điểm e Điều 62 như sau:

“g) Các hoạt động lặn vệ sinh định kỳ phần dưới nước của tàu thuyền buồm, tàu thuyền thể thao, tàu thuyền du lịch của cá nhân khi neo đậu tại cảng, bến dành riêng cho của tàu thuyền buồm, tàu thuyền thể thao, tàu thuyền du lịch của cá nhân được miễn giảm thủ tục quy định tại điểm e khoản 2 Điều này. Chủ cảng, bến dành riêng cho của tàu thuyền buồm, tàu thuyền thể thao, tàu thuyền du lịch của cá nhân chịu trách nhiệm thông báo kế hoạch lặn vệ sinh định kỳ, báo cáo kết quả thực hiện bằng văn bản hoặc fax hoặc email cho Cảng vụ hàng hải.”

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 64 như sau:

“Điều 64. Lai dắt tàu thuyền

Việc sử dụng tàu lai **dắt** hỗ trợ khi tàu thuyền vào, rời và hoạt động tại cảng biển được thực hiện như sau:

1. **Cảng vụ hàng hải quy định việc sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ đối với tàu thuyền có chiều dài lớn nhất** từ 80m trở lên khi điều động cập, rời cầu cảng, bến phao; cập mạn tàu thuyền khác; di chuyển vị trí, di chuyển trong luồng, quay trở trong phạm vi vùng nước trước cầu cảng, vùng nước bến phao, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải **trong Nội quy cảng biển**.

2. Việc quy định số lượng, công suất tàu lai **dắt** hỗ trợ tàu thuyền, trường hợp phải sử dụng tàu lai căn cứ vào chiều dài lớn nhất, trọng tải, đặc tính của tàu, điều kiện thực tế tại khu vực, ý kiến của các tổ chức, cá nhân có liên quan và phải được quy định cụ thể tại Nội quy cảng biển.

3. Thuyền trưởng của tàu thuyền có thể yêu cầu bổ sung số lượng tàu lai **dắt** hoặc yêu cầu tàu lai **dắt** có công suất lớn hơn khi cần thiết.

4. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, Thuyền trưởng có thể yêu cầu tàu lai **dắt** hỗ trợ nếu thấy cần thiết.”

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 65 như sau:

“1. Khi tàu thuyền đã neo đậu an toàn tại vị trí được chỉ định, máy chính của tàu phải được duy trì ở trạng thái sẵn sàng hoạt động khi cần thiết; tàu thuyền phải được chiếu sáng vào ban đêm và duy trì đủ các **đèn hiệu**, dấu hiệu theo quy định.”

18. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 Điều 67 như sau:

“e) Duy trì tình trạng kỹ thuật cầu cảng, kho, bãi, phương tiện, thiết bị, độ sâu vùng nước trước cầu cảng và vùng nước khác do mình quản lý sử dụng theo quy định; định kỳ tổ chức thực hiện việc khảo sát và đề nghị công bố thông báo hàng hải vùng nước trước cầu cảng và vùng nước khác do mình quản lý sử dụng. Tổ chức **bảo trì kết cấu hạ tầng cảng biển theo quy định** và quy định có liên quan của pháp luật nhằm bảo đảm an toàn trong khai thác. **Trường hợp doanh nghiệp cảng không thực hiện các nội dung trên, Giám đốc Cảng vụ hàng hải quyết định không cho phép tàu thuyền vào, rời bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước;**”

19. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm d khoản 1 Điều 68 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 68 như sau:

“b) **Khi neo đậu tại cầu cảng**, tàu thuyền có kích thước lớn hơn không được cập mạn với loại tàu thuyền có kích thước nhỏ hơn từ phía bên ngoài;”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 68 như sau:

“d) Chỉ tàu thuyền công vụ, các loại tàu thuyền cấp nước, cấp dầu, cấp thực phẩm, cấp trang thiết bị và vật phẩm dự trữ, **tàu thu gom chất thải**, tàu đón, trả hoa tiêu, tàu chữa cháy, tàu chuyển tải hành khách từ tàu khách hoặc các tàu thuyền dịch vụ tương tự mới được cập mạn tàu khách.”

20. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 69 như sau:

“2. Khi neo đậu trong vùng nước cảng biển, số lượng thuyền viên được duy trì trên tàu thuyền như sau:

a) Đối với tàu biển: luôn duy trì ít nhất 2/3 số lượng thuyền viên với các chức danh phù hợp, trong đó phải có thuyền trưởng hoặc đại phó và máy trưởng hoặc máy hai hoặc sỹ quan máy đối với tàu biển không có máy hai để điều động hoặc xử lý trong các trường hợp khẩn cấp;

b) Đối với phương tiện thủy nội địa: luôn duy trì ít nhất 2/3 số lượng thuyền viên với các chức danh phù hợp để điều động hoặc xử lý trong các trường hợp khẩn cấp.

c) Đối với Tàu thuyền buồm, tàu thuyền thể thao, tàu thuyền du lịch của cá nhân: luôn duy trì ít nhất 1/3 số lượng thuyền viên. Trường hợp chủ cảng, bến bố trí nhân lực canh giới chu đáo, sẵn sàng điều động, đảm bảo an toàn thì không phải thực hiện bố trí trực ca.”

21. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 71 như sau:

*“2. Trường hợp tàu thuyền vào cảng và chỉ lưu lại cảng trong khoảng thời gian không quá 12 giờ, thuyền trưởng phải thông báo cho Cảng vụ hàng hải khu vực biết để phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác có liên quan làm thủ tục cho tàu **thuyền** vào, rời cảng cùng một lúc.”*

22. Bổ sung khoản 4, 5 vào sau khoản 3 Điều 71 như sau:

“4. Tàu thuyền buồm, tàu thuyền thể thao, tàu thuyền du lịch của cá nhân vào, rời khu vực hàng hải trong một vùng nước cảng biển thì Cảng vụ hàng hải thực hiện thủ tục đến cảng cho tàu thuyền. Tàu thuyền buồm, tàu thuyền thể thao, tàu thuyền du lịch của cá nhân hoạt động trong vùng nước cảng biển thì Cảng vụ hàng hải cấp lệnh điều động bằng văn bản theo Mẫu số 45a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Tàu thuyền buồm, tàu thuyền thể thao, tàu thuyền du lịch của cá nhân vào, rời cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải thì Cảng vụ đường thủy nội địa thực hiện thủ tục đến cảng cho tàu thuyền. Tàu thuyền buồm, tàu thuyền thể thao, tàu thuyền du lịch của cá nhân hoạt động trong vùng nước cảng biển thì Cảng vụ đường thủy nội địa cấp Lệnh điều động bằng văn bản theo Mẫu số 45a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đồng thời thông báo cho Cảng vụ hàng hải kế hoạch hoạt động của tàu để giám sát.”

23. Bổ sung Điều 82a vào sau Điều 82 như sau:

“Điều 82a. Nguyên tắc thực hiện thủ tục hành chính tàu thuyền

1. Hồ sơ nộp qua Cổng thông tin là bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử từ bản chính được thực hiện theo quy định của Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08/4/2020.

2. Không yêu cầu tổ chức, cá nhân khai thông tin hoặc nộp lại những văn bản, giấy tờ có chứa những thông tin đã được cơ quan thực hiện thủ tục hành chính quản lý hoặc đã được cơ quan nhà nước khác sẵn sàng chia sẻ.”

24. Sửa đổi, bổ sung Điều 84 như sau:

“Điều 84. Chuyển đổi hình thức giữa văn bản giấy và thông điệp dữ liệu
***Chuyển đổi hình thức giữa văn bản giấy và thông điệp dữ liệu thực hiện theo pháp luật về giao dịch điện tử.*”**

25. Sửa đổi, bổ sung Điều 85 như sau:

“Điều 85. Sử dụng chữ ký số khi làm thủ tục điện tử đối với tàu thuyền

1. Người làm thủ tục khi khai báo trên Cổng thông tin điện tử phải sử dụng chữ ký số ***công cộng theo quy định của Luật Giao dịch điện tử năm 2023.***

2. Chữ ký số sử dụng khai báo trên Cổng thông tin điện tử phải là chữ ký số ***công cộng*** tương ứng với chứng thư số được cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài được công nhận theo quy định của pháp luật.

3. Người làm thủ tục đăng ký chữ ký số ***công cộng*** để khai báo trên Cổng thông tin điện tử.”

26. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 98 như sau:

“1. Chậm nhất 02 giờ trước khi tàu biển đang đóng hoặc sửa chữa, hoán cải chạy thử người làm thủ tục nộp, xuất trình cho Cảng vụ hàng hải các giấy tờ, tài liệu dưới đây:

a) Giấy tờ phải nộp (bản chính), mỗi loại 01 bản, bao gồm: Giấy đề nghị chạy thử tàu trong đó nêu rõ ***tên hoặc số hiệu, loại tàu, chiều dài, chiều rộng, mớn nước chiều cao tĩnh không***; lý do di chuyển, nơi đến và thời gian chạy thử; Danh sách thuyền viên; Danh sách người đi theo tàu (nếu có);

b) Giấy tờ xuất trình: “Chứng chỉ chuyên môn thuyền viên; ***Giấy xác nhận trạng thái kỹ thuật đủ điều kiện an toàn cho tàu di chuyển của tổ chức đăng kiểm***; phương án lai dắt tàu trong trường hợp tàu chạy thử không sử dụng máy của tàu.”

27. Bổ sung Chương IVa vào sau Chương IV như sau:

Chương IVa

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀU LẶN HOẠT ĐỘNG TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN VIỆT NAM

Điều 105a. Vùng hoạt động tàu lặn

1. Tàu lặn chỉ được phép hoạt động lặn tại vùng hoạt động của tàu lặn đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

2. Vùng hoạt động tàu lặn phải được bố trí báo hiệu hàng hải theo quy định.

3. Thủ tục chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn

a) Tổ chức gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến 01 bộ hồ sơ đến Cục Hàng hải Việt Nam;

b) Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, hướng dẫn tổ chức hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng hải Việt Nam gửi văn bản (kèm theo một bộ bản sao hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này) đến Bộ Quốc phòng, Bộ Tài nguyên môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố liên quan để lấy ý kiến. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, các cơ quan được xin ý kiến có văn bản trả lời Cục Hàng hải Việt Nam;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của đến Bộ Quốc phòng, Bộ Tài nguyên môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố liên quan, Cục Hàng hải Việt Nam có quyết định chấp thuận theo Mẫu số 67; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Hồ sơ đề nghị chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn (mỗi loại 01 bản) bao gồm:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị theo Mẫu số 66 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản chính hoặc bản sao điện tử từ bản chính sơ đồ vị trí thiết lập báo hiệu hàng hải;

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử từ bản chính Văn bản phê duyệt dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền;

d) Bản chính hoặc bản sao điện tử từ bản chính Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 105b. Điều kiện thuyền viên tàu lặn

1. Điều kiện chung

a) Có đủ tiêu chuẩn sức khỏe thuyền viên tàu biển và đảm bảo tuổi lao động theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam;

b) Có Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản của thuyền viên tàu biển;

c) Có Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ đặc biệt của thuyền viên tàu biển: Quản lý đám đông đối với tàu khách; Huấn luyện an toàn cho nhân viên phục vụ trực tiếp trên khoang hành khách tàu khách; Huấn luyện an toàn hành khách đối với tàu khách; Quản lý khủng hoảng và phản ứng của con người trên tàu khách.

2. Điều kiện chuyên môn đối với thuyền viên điều khiển tàu lặn

Ngoài đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này, thuyền viên điều khiển tàu lặn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ cao đẳng trở lên;*
- b) Đã đảm nhận chức danh sỹ quan boong tàu biển 06 tháng trở lên;*
- c) Có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn cho vị trí điều khiển tàu lặn được nhà sản xuất cấp.*

3. Điều kiện chuyên môn đối với thuyền viên hỗ trợ điều khiển tàu lặn

Ngoài đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này, thuyền viên hỗ trợ điều khiển tàu lặn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ trung cấp trở lên;*
- b) Đã đảm nhận chức danh thủy thủ trực ca AB 06 tháng trở lên;*
- c) Có Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo cho thuyền viên hỗ trợ điều khiển tàu lặn được nhà sản xuất cấp.*

Điều 105c. Định biên an toàn tối thiểu tàu lặn

1. Định biên an toàn tối thiểu tàu lặn được bố trí theo hướng dẫn của nhà sản xuất và không ít hơn số lượng thuyền viên tàu lặn được ghi trên Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu lặn.

2. Chủ tàu lặn có trách nhiệm bố trí đủ định biên làm việc trên tàu lặn theo quy định tại khoản 1 điều này.

Điều 105d. Thủ tục phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động

1. Tổ chức gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến 01 bộ hồ sơ đến Cảng vụ hàng hải.

2. Cảng vụ hàng hải tiếp nhận hồ sơ; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, hướng dẫn tổ chức hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Cảng vụ hàng hải gửi văn bản (kèm theo một bộ bản sao hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này) đến Ban chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố và Sở Giao thông vận tải và các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, các cơ quan được xin ý kiến có văn bản trả lời Cảng vụ hàng hải.

3. Chậm nhất 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản góp ý của các cơ quan liên quan, Cảng vụ hàng hải phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động theo Mẫu số 69 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Hồ sơ đề nghị phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động (mỗi loại 01 bản) bao gồm:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động theo Mẫu số 68 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận đăng ký, đăng kiểm tàu lặn;

c) Bản sao hoặc bản sao điện tử Quyết định về việc giao khu vực biển;

d) Bản chính hoặc bản sao điện tử từ bản chính Phương án bố trí người khai thác tàu lặn;

đ) Bản chính hoặc bản sao điện tử từ bản chính Phương án đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và tìm kiếm cứu nạn trong quá trình khai thác hoạt động tàu lặn.

Điều 105đ. Chấm dứt hoạt động tàu lặn

Chấm dứt hoạt động tàu lặn trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn hoạt động tàu lặn theo Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động đã được phê duyệt.

2. Tổ chức được phép khai thác tàu lặn mà không hoạt động trong thời gian 12 tháng kể từ ngày phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động.

3. Theo đề xuất của tổ chức khai thác hoạt động tàu lặn.

4. Xảy ra tai nạn, sự cố gây hậu quả nghiêm trọng đối với con người, môi trường.

5. Vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh.

6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

7. Cảng vụ hàng hải thông báo việc chấm dứt hoạt động lặn đến các cơ quan, tổ chức liên quan.

Điều 105e. Thực hiện hoạt động lặn

1. Chậm nhất trước 16 giờ 00 hàng ngày, tổ chức khai thác hoạt động tàu lặn báo cáo bằng văn bản hoặc fax hoặc email đến Cảng vụ hàng hải kết quả hoạt động lặn trong ngày và kế hoạch hoạt động tàu lặn ngày hôm sau. Báo cáo gồm các nội dung chính sau:

a) Tên tàu lặn;

b) Thuyền viên tàu lặn;

c) Tổng số chuyến lặn;

d) Số hành khách trên từng chuyến lặn;

đ) Thời gian bắt đầu, kết thúc từng chuyến lặn;

e) Các nội dung khác (nếu có).

2. Chậm nhất trước 01 giờ mỗi chuyến lặn, tổ chức khai thác hoạt động tàu lặn phải gửi thông báo bằng văn bản hoặc fax hoặc email đến Cảng vụ hàng hải thông tin của thuyền viên tàu lặn và hành khách trên tàu lặn. Thông báo gồm các nội dung chính sau:

- a) Tên tàu lặn;**
- b) Họ, tên, chức danh thuyền viên tàu lặn;**
- c) Họ và tên hành khách;**
- d) Số định danh cá nhân đối với người Việt Nam, số hộ chiếu đối với người nước ngoài.**

Điều 105g. Trách nhiệm của tổ chức khai thác hoạt động tàu lặn

1. Xây dựng và duy trì hệ thống quản lý an toàn tàu lặn và được Cục Đăng kiểm Việt Nam phê duyệt.

2. Xây dựng quy trình khai thác, kế hoạch vận hành bảo dưỡng bảo đảm an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

3. Tổ chức việc đưa người từ tàu mẹ hỗ trợ tàu lặn lên, xuống tàu lặn và thực hiện hoạt động lặn bảo đảm tuyệt đối an toàn.

4. Xây dựng phương án bố trí người khai thác hoạt động tàu lặn theo hướng dẫn của nhà sản xuất phù hợp với đặc tính kỹ thuật của phương tiện và thực tế khai thác, sử dụng và chịu trách nhiệm về việc bố trí này.

5. Chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, huấn luyện của người chỉ huy hoạt động tàu lặn, thuyền viên tàu lặn.

6. Chịu trách nhiệm thiết lập và duy trì báo hiệu hàng hải theo quy định.

7. Mua bảo hiểm và thực hiện các nghĩa vụ về bảo hiểm theo quy định.

8. Lưu giữ nhật ký hoạt động tàu lặn theo quy định như đối với tàu biển.

Điều 105h. Trách nhiệm của thuyền trưởng tàu mẹ hỗ trợ tàu lặn, thuyền viên điều khiển tàu lặn, thuyền viên hỗ trợ điều khiển tàu lặn.

1. Trách nhiệm của thuyền trưởng tàu mẹ hỗ trợ tàu lặn

a) Bảo đảm hoạt động lặn được thực hiện an toàn và phù hợp với hướng dẫn vận hành theo quy định;

b) Bảo đảm an toàn cho hành khách trên tàu mẹ hỗ trợ tàu lặn;

c) Kiểm soát số lượng hành khách trên tàu mẹ hỗ trợ tàu lặn và tàu lặn theo đúng số lượng người ghi trên Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu và thông tin của thuyền viên tàu lặn và hành khách trên tàu lặn theo thông báo gửi Cảng vụ hàng hải;

d) Điều tiết hoạt động của các phương tiện, thiết bị hỗ trợ tàu lặn, kịp thời áp dụng các biện pháp ứng cứu và hỗ trợ hiệu quả khi xảy ra sự cố hoặc tai nạn

liên quan đến việc hoạt động lặn; đồng thời phải báo cáo ngay cho Cảng vụ hàng hải và các cơ quan chức năng có liên quan để triển khai việc phối hợp ứng cứu;

đ) Thông báo kết thúc hoạt động lặn đến Trục ban cảng vụ hàng hải, các vấn đề phát sinh khác (nếu có) theo các kênh thông tin liên lạc; e) Ghi chép đầy đủ thông tin và ký xác nhận vào nhật ký hoạt động lặn.

2. Trách nhiệm của thuyền viên điều khiển tàu lặn

a) Tuân thủ hướng dẫn của thuyền trưởng tàu mẹ hỗ trợ tàu lặn;

b) Thực hiện kiểm tra trước và sau khi lặn theo quy trình vận hành tàu lặn;

c) Điều khiển tàu lặn an toàn và phù hợp với hướng dẫn vận hành theo quy định;

đ) Ghi nhật ký hoạt động tàu lặn.

3. Trách nhiệm của thuyền viên hỗ trợ điều khiển tàu lặn

a) Hỗ trợ thuyền viên điều khiển tàu lặn;

b) Thay thế thuyền viên điều khiển tàu lặn trong tình huống tàu lặn đang hoạt động mà thuyền viên điều khiển tàu lặn mất khả năng điều khiển tàu lặn.

c) Hướng dẫn các quy tắc an toàn, cách sử dụng các thiết bị an toàn trên tàu lặn cho hành khách tham gia hoạt động lặn trước khi bắt đầu, trong quá trình thực hiện và kết thúc hoạt động lặn.

Điều 105i. Trách nhiệm của hành khách

Tuân thủ hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền và chỉ dẫn của thuyền viên tàu lặn trong quá trình tham gia hoạt động lặn.

Điều 105k. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải

1. Thực hiện giám sát hoạt động lặn bảo đảm an toàn theo phương án đưa tàu lặn vào hoạt động đã được phê duyệt.

2. Tiếp nhận thông báo và báo cáo của tổ chức khai thác hoạt động tàu lặn và phối hợp với các cơ quan có liên quan trong công tác phối hợp tìm kiếm cứu nạn, xử lý tai nạn, sự cố trong khu vực.

Điều 105l. Quy định về công tác phối hợp trong công tác tìm kiếm cứu nạn khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động lặn

1. Việc phối hợp trao đổi thông tin liên quan đến tai nạn, sự cố, đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm phải nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ và chính xác.

2. Các bên có liên quan khi nhận được thông tin về tai nạn, sự cố trong hoạt động tàu lặn phải thông báo, chuyển giao kịp thời chính xác thông tin nhận được tới đơn vị chủ trì xử lý tai nạn, sự cố, đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

3. Đối với các vụ việc tìm kiếm cứu nạn xảy ra trên mặt nước, trách nhiệm chủ trì phối hợp tìm kiếm, cứu nạn được thực hiện theo quy định pháp luật.

4. Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn chủ trì phối hợp hoạt động tìm kiếm, cứu nạn đối với các vụ việc tìm kiếm cứu nạn xảy ra dưới mặt nước.

Điều 105m. Báo cáo tai nạn, sự cố

1. Trong trường hợp tai nạn hàng hải xảy ra trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam, người chỉ huy hoạt động lặn phải báo cáo Cảng vụ hàng hải khu vực theo quy định.

2. Cảng vụ hàng hải khu vực khi nhận được thông báo hoặc biết tin về tai nạn, sự cố xảy ra có trách nhiệm chuyển ngay các thông tin đó cho các cơ quan, tổ chức sau đây: Cục Hàng hải Việt Nam; Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải, nếu tai nạn gây hư hỏng, làm mất tác dụng các thiết bị trợ giúp hàng hải hoặc ảnh hưởng đến an toàn hàng hải của tàu thuyền; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cơ quan phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh, nếu tai nạn gây ra hoặc có khả năng gây ra ô nhiễm môi trường hoặc tổn hại đến nguồn lợi thủy sản.

Điều 105n. Điều tra tai nạn, sự cố

1. Phương tiện hỗ trợ hoạt động khai thác tàu lặn bị tai nạn, sự cố thì thẩm quyền điều tra tai nạn thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Tàu lặn khi bị tai nạn, sự cố thì việc tổ chức, điều tra, tai nạn, sự cố thực hiện theo quy định của pháp luật về điều tra tại nạn đối với tàu biển.

28. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 107 như sau:

“2. Việc cứu người bị nạn là nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi tổ chức, cá nhân, tàu thuyền và các phương tiện khác khi đang hoạt động ở trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam. Tàu thuyền khi **nhận được yêu cầu cứu nạn của cơ quan chủ trì tìm kiếm cứu nạn hoặc** phát hiện hay nhận được tín hiệu cấp cứu của người hoặc tàu thuyền khác gặp nạn trên biển hoặc trong vùng nước cảng biển, nếu điều kiện thực tế cho phép và không gây nguy hiểm nghiêm trọng cho người và tàu thuyền của mình phải bằng mọi cách tiến hành cứu giúp người gặp nạn, kể cả việc phải đi chệch hướng, chệch khỏi hành trình đã định và phải kịp thời thông báo cho tổ chức, cá nhân có liên quan biết. Tàu thuyền bị thiệt hại nhẹ hơn phải cứu trợ tàu thuyền bị thiệt hại nặng hơn cho dù lỗi gây ra tai nạn, sự cố không phải là của tàu thuyền mình.”

29. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 110 và khoản 2 Điều 110 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 110 như sau:

“Điều 110. Vận chuyển hành khách, hàng hóa, khai thác khoáng sản, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước cảng biển”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 110 như sau:

“2. Hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác và nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước cảng biển chỉ được thực hiện khi không ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải, an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường tại khu vực và được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.”

c) Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 110 như sau:

“ 5. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép nuôi trồng thủy sản chủ trì xử lý các hoạt động nuôi trồng thủy sản gây nguy hiểm hoặc làm cản trở giao thông hàng hải trong vùng nước cảng biển và vùng biển theo quy định của pháp luật“

30. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 8 Điều 113 như sau:

“c) Đón, trả hành khách.”

31. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 114 như sau:

“2. Giám đốc Cảng vụ hàng hải có trách nhiệm chủ trì điều hành trong việc phối hợp các hoạt động ứng cứu tàu thuyền bị cháy, nổ ở trong vùng nước cảng biển cho đến khi người chỉ huy có thẩm quyền của lực lượng phòng, chống cháy, nổ chuyên trách có mặt tại hiện trường.”

32. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 122 và bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 122 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 122 như sau:

“Điều 122. Thanh tra, kiểm tra, giám sát chuyên ngành tại cảng biển và thi hành công vụ”

b) Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 122 như sau:

“3. Công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan quản lý nhà nước làm việc tại công sở và thi hành công vụ ngoài công sở đều phải mang, mặc trang phục của ngành theo đúng quy định. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trang phục, biểu trưng, cờ hiệu, cờ truyền thống, thẻ và màu sơn tàu, thuyền của các lực lượng thuộc Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành hàng hải.”

33. Bãi bỏ cụm từ “hoặc các trạm” tại khoản 1 Điều 99 và khoản 1 Điều 100 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

34. Bãi bỏ cụm từ “Số chứng minh” tại biểu mẫu số 34; cụm từ “hoặc Chứng minh nhân dân” tại biểu mẫu số 39, 40; cụm từ “CMND” tại biểu mẫu số 44, 47, 48; cụm từ “GCMND” tại biểu mẫu số 61 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 74/2023/NĐ-CP.

35. Thay thế các biểu mẫu số 42, 43, 47, 48 của Nghị định số 74/2023/NĐ-CP và các biểu mẫu số 01, 35, 46, 49, 50, 51 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP bằng các biểu mẫu số 01, 35, 42, 43, 46, 47, 48, 49, 50, 51 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

36. Bổ sung các biểu mẫu số 45a, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024. **Riêng các biểu mẫu số 42, 43, 46, 47, 48, 49, 50, 51 quy định tại khoản 36 Điều 1 Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.... tháng năm 2025; các thủ tục hành chính có quy định hồ sơ điện tử sẽ được bắt đầu thực hiện khi cơ quan được giao giải quyết thủ tục hành chính thông báo việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân.**

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư,

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phụ lục**Mẫu các văn bản sử dụng trong Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP**

(Kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ)

1. Mẫu số 01: Đơn đề nghị thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải.
2. Mẫu số 35: Đơn đề nghị cho phép tiến hành hoạt động trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải.
3. Mẫu số 42: Bản khai chung.
4. Mẫu số 43: Bản khai hàng hóa.
5. Mẫu số 45a: Lệnh điều động.
6. Mẫu số 46: Kế hoạch điều động tàu thuyền vào cảng.
7. Mẫu số 47: Danh sách thuyền viên.
8. Mẫu số 48: Danh sách hành khách.
9. Mẫu số 49: Bản khai hàng hóa nguy hiểm.
10. Mẫu số 51: Bản khai hành lý của hành khách, thuyền viên.
11. Mẫu số 63: Đơn đề nghị chấp thuận cho Bến cảng/Cầu cảng được tiếp nhận tàu biển có trọng tải lớn.
12. Mẫu số 64: Tờ trình Công bố Danh mục bến cảng thuộc các cảng biển Việt Nam.
13. Mẫu số 65: Quyết định Về việc công bố Danh mục bến cảng thuộc các cảng biển Việt Nam.
14. Mẫu số 66: Đơn đề nghị chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn.
15. Mẫu số 67: Quyết định chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn.
16. Mẫu số 68: Đơn đề nghị phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động.
17. Mẫu số 69: Quyết định Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động.

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết
cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải**

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.

Tên doanh nghiệp:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký kinh doanh: ngày tháng năm tại

Địa chỉ:

Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải theo quy định tại Điều 6 Nghị định số quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải với các thông tin dưới đây:

1. Tên dự án:

2. Sự cần thiết đầu tư xây dựng:

3. Vị trí:

4. Loại tàu biển giới hạn vào cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải:

.....

5. Thông số kỹ thuật của cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải:

.....

6. Công suất thông qua của Cảng:.....

7. Tổng diện tích dự kiến xây dựng:

8. Tài liệu liên quan kèm theo (nếu có):

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, trả lời./.

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 35

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cho phép tiến hành hoạt động trong vùng nước cảng biển
và khu vực quản lý của cảng vụ hàng hải****Kính gửi:** Cảng vụ hàng hải

Tên người làm thủ

tục:

Đăng ký kinh doanh

số ngày tháng năm tại

.....

Địa

chỉ:

...

Số điện thoại liên

hệ:

Đề nghị Cảng vụ hàng hải cho phép tiến hành hoạt động trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải theo quy định tại Điều... Nghị định số quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải với các thông tin dưới đây:

1. Chủ thể tiến

hành:

2. Hoạt động tiến

hành:

3. Thời gian tiến

hành:

4. Địa điểm tiến

hành:

5. Lý do, sự cần

thiết:

6. Biện pháp cần thiết bảo đảm an toàn, an ninh, phòng ngừa ô nhiễm

môi trường:

.....

.....

7. Bản sao ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu

có):

8. Bản sao các văn bản có liên quan (nếu có)

Kính đề nghị Cảng vụ hàng hải xem xét, giải quyết./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI CHUNG
GENERAL DECLARATION

		Đến Arrival	Rời Departure
1.1 Tên và loại tàu: Name and type of ship		1.2 Số IMO IMO number	
1.3 Hồ hiệu Call sign		1.4 Số chuyến đi: Voyage number	
2. Cảng đến/rời Port of arrival/departure		3. Thời gian đến/rời cảng Date and time of arrival/departure	
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship	5. Tên thuyền trưởng: Name of master	6. Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/next port of call	
7. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (date, number) and Port of registry		8. Tên và địa chỉ liên lạc của người làm thủ tục: Name and contact details of ship's agent	
9. Tổng dung tích: Gross tonnage	10. Dung tích có ích: Net tonnage		
11. Đặc điểm chính của chuyến đi: Brief particulars of voyage Các cảng trước: Previous ports of call Các cảng sẽ đến: Subsequent ports of call Các cảng sẽ dỡ hàng: Ports where remaining cargo will be discharged Số hàng còn lại: Remaining cargo			
12. Thông tin về hàng hóa vận chuyển trên tàu: Brief description of the cargo			
Loại hàng hóa Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity of cargo	Đơn vị tính Unit
Xuất khẩu Export cargo			
.....			
Nhập khẩu Import cargo			
....			
Nội địa Domestic cargo			
....			

Hàng trung chuyển Transshipment cargo				
.....				
Thông tin về hàng hóa quá cảnh Description of the cargo in transit				
Loại hàng Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity of cargo	Số lượng hàng hóa quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging	Đơn vị tính Unit
Hàng quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging at port				
.....				
Hàng quá cảnh không xếp dỡ The quantity of cargo in transit				
.....				
13. Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng) Number of crew (incl. master)	14. Số hành khách Number of passengers	15. Ghi chú: Remarks - Mớn nước mũi, lái: Draft F/A - Chiều dài lớn nhất: LOA - Chiều rộng lớn nhất: Breadth - Chiều cao tính không: Air draft - Loại nhiên liệu sử dụng trên tàu: Type of fuel - Lượng nhiên liệu trên tàu: Remain on board (R.O.B) - Tên và địa chỉ chủ tàu: Name and address of the shipowners - Các thông tin cần thiết khác (nếu có) And others (If any)		
Tài liệu đính kèm (ghi rõ số bản) Attached documents (indicate number of copies)				
16. Bản khai hàng hóa: Cargo Declaration	17. Bản khai dự trữ của tàu Ship's Stores Declaration			
18. Danh sách thuyền viên Crew List	19. Danh sách hành khách Passenger List	20. Yêu cầu về phương tiện tiếp nhận và xử lý chất thải The ship's requirements in terms of waste and residue reception facilities		
21. Bản khai hành lý thuyền viên(*) Crew's Effects Declaration (only on arrival) (*)	22. Bản khai kiểm dịch y tế (*) Maritime Declaration of Health (only on arrival) (*)			

22.1 Số đăng ký hành chính Official number	22.2 Số đăng kiểm Registry number
22.3 Mã số Giấy phép rời cảng (*) Number of port clearance	

23, ngày ... tháng ... năm ...

Date

Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (or authorized agent or officer)

Ghi chú:

Note:

(*) Mục này chỉ khai khi tàu đến cảng.

Only on arrival.

Mục 22.1 và 22.2 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.

No 22.1 and 22.2: Only for inland waterway ships.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Socialist Republic of Vietnam
 Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI HÀNG HÓA
CARGO DECLARATION

Vận
đơn
số*
B/L
No

		Đến Arrival	Rời Departure	Trang số: Page No:
1.1 Tên tàu Name of ship		1.2 Số IMO IMO number		
1.3 Số chuyến đi: Voyage number		2. Cảng lập bản khai: Port where report is made		
3. Quốc tịch tàu: Flag State of ship		4. Tên thuyền trưởng: Name of master		
5. Cảng bốc/dỡ hàng hóa: Port of loading/Port of discharge				
6. Ký hiệu và số hiệu hàng hóa Marks and Nos.	7. Số và loại bao kiện; loại hàng hóa, mã hàng hóa Number and kind of packages; description of goods or, if available, the Harmonized System (HS) code	8. Tổng trọng lượng Gross weight	9. Kích thước Measurement	
Xuất khẩu Export cargo				
Nhập khẩu Import cargo				
Nội địa Domestic cargo				
Hàng quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging at port				
Hàng quá cảnh không xếp dỡ The quantity of cargo in transit				
Hàng trung chuyển				

Transshipment cargo			
9.1 Số đăng ký hành chính Official number	9.2 Số đăng kiểm Registry number		

* Số Vận đơn: Khai cảng nhận hàng chính thức theo phương thức vận tải đa phương thức hoặc vận đơn suốt.
B/L No: Also state original port by shipment using multimodal transport document or through Bill of Lading

Note:

Mục 9.1 và 9.2 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.

No 9.1 and 9.2: Only for inland waterway ships.

Ghi chú: (10)....., ngày tháng năm ...

Date.....

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN Cơ quan cấp phép	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
---	--

LỆNH ĐIỀU ĐỘNG

Lệnh điều động số:.....

Tên Tàu:.....

Quốc tịch:.....

Dung tích toàn phần:.....

Số lượng thuyền viên:.....

Số lượng hành khách:.....

Giấy chứng nhận đăng ký số:.....

Đang neo đậu tại:

Được phép di chuyển tới các khu vực:.....

Hiệu lực từ hồi.....giờ.....ngày....tháng.....năm.....

Đếngiờ.....ngày....tháng.....năm.....

Lý do điều động:

Cấp.....giờ.....ngày....../...../.....

GIÁM ĐỐC

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN Cơ quan cấp phép	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc <i>Socialist Republic of Vietnam</i> <i>Independence - Freedom - Happiness</i> -----
---	---

LỆNH ĐIỀU ĐỘNG
SHIFTING ORDER

Kính gửi: Thuyền trưởng

To: Master of M/V.....

Giám đốc cảng vụ hàng hải.....

The Director of Maritime Administration of

Đang neo đậu tại.....

Anchoring/ Berthing at

Di chuyển tới các khu vực.....

To shift to the following areas

Hiệu lực từ hồi.....giờ.....ngày....tháng.....năm..., đến.....giờ.....ngày....tháng.....năm.....

Valids from until

Lý do điều động:

Reasons to shift:

Lệnh điều động số

Shifting Order No

Trong suốt quá trình hoạt động, yêu cầu ông thực hiện nghiêm chỉnh:

During operation, you are requested to

- Chỉ hoạt động trong điều kiện thời tiết, vùng hoạt động, thời gian hoạt động mà cấp của phương tiện cho phép
- Only operate the Vessel in the weather condition, operation area and time period allowed by its classification*
- Không được chở vượt quá số lượng người tối đa cho phép
- Not carry more than the number of persons allowed onboard and ensure safety*
- Đảm bảo rằng tất cả những người trên tàu đều được hướng dẫn về các biện pháp an toàn
- Ensure that all persons on board are briefed on the appropriate safety precaution*
- Các trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa, y tế phải luôn ở trong trạng thái sẵn sàng để sử dụng
- Rescue, fire-fighting and first-aid equipment are ready to use*
- Bố trí thuyền viên/ người điều khiển phương tiện với số lượng và bằng cấp phù hợp
- Man the Vesselt with sufficient crew/ operator that is adequate in terms of size and qualifications*
- Tuân thủ hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước về các khu vực không được phép hoạt động
- Comply with the guidance of local authorities on the prohibited areas*

Yêu cầu Tàu

Requesst the Vessel

	- Duy trì hoạt động của thiết bị nhận dạng tự động theo quy định <i>Maintain operation of the Automatically Identification System as regulated</i> - Duy trì thông tin liên lạc tại mọi thời điểm <i>Maintain operation of the communication equipment at all times</i> Ngày.....tháng.....năm 20.... Date..... GIÁM ĐỐC Director
--	---

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐIỀU ĐỘNG TÀU THUYỀN

Thời gian Time	Tên tàu Name of ship	Mớn nước Draft	Chiều dài lớn nhất LOA	Trọng tải DWT	Dung tích GT	Hoa tiêu dẫn tàu	Tàu lai Tug boat	Tuyến luồng Chanel	Từ From	Đến To	Đại lý Agent

...Ngày ... tháng năm 20...

Date.....

GIÁM ĐỐC

Director

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

DANH SÁCH THUYỀN VIÊN

CREW LIST

[illegible]

Ghi chú:*Note:*

Mục 5.1 và 5.2 chỉ khai đối với
phương tiện thủy nội địa.

No 5.1 and 5.2: Only for inland
waterway ships.

(*) Mục này chỉ khai đối với
người nước ngoài.

Only for foreigner.

(18)....., ngày ... tháng ... năm ...

Date.....

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Socialist Republic of Vietnam
 Independence - Freedom - Happiness

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH
PASSENGER LIST

			Đến Arrival			Rời Departure			Trang Page No:				
1.1 Tên tàu Name of ship			1.2 Số IMO IMO number			1.3 Hồ hiệu Call sign							
1.4 Số chuyến đi Voyage number			2. Cảng đến/đi Port of arrival/departure			3. Ngày đến/đi Date of arrival/Departure		4. Quốc tịch tàu Flag State of ship					
5. Họ Famiy name	6. Tên Given name	7. Quốc tịch (*) Nationality	8. Ngày sinh (*) ate of birth	9. Nơi sinh (*) Place of birth	10. Giới tính ender	11. Loại giấy tờ nhận dạng (Hộ chiếu của thuyền viên/ Số định danh cá nhân/CMND) Nature of identity document(sea man's passport/ Personal identification number)	12.Số giấy tờ nhận dạng Number of identity document	13. Quốc gia cấp giấy tờ tùy thân Issuing State of identity document	14. Ngày hết hạn của giấy tờ nhận dạng Expiry date of identity document	15. Cảng lên tàu Port of embarkation	16. Số thị thực nếu hợp pháp Visa number if appropriate	17. Cảng rời tàu Port of disembankation	18. Hành khách có quá cảnh hay không Transit passenger or not

18.1 Số đăng kiểm Registry number									18.2 Số đăng ký hành chính: Official number					

Ghi chú:*Note:*

Mục 18.1 và 18.2 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.

No 18.1 and 18.2: Only for inland waterway ships.

(*) Mục này chỉ khai đối với người nước ngoài.

Only for foreigner.

(19)....., ngày ... tháng năm ...

Date.....

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (Authorized agent or officer)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI HÀNG HÓA NGUY HIỂM
DANGEROUS GOODS MANIFEST

										Số trang
1.1 Tên tàu Name of ship			1.2 Số IMO IMO Number		1.3 Hô hiệu Call sign					
1.4 Số chuyến đi: Voyage number			2. Quốc tịch tàu Flag state of ship		3. Cảng nhận hàng Port of loading			4. Cảng trả hàng Port of discharge		
5. Vị trí xếp hàng Stowage position	6. Số tham chiếu Reference number	7. Dấu và số: - Nhận dạng container chở hàng - Đăng ký xe không (s) Marks and numbers: -Freight container identification no (s) -Vihicle registration no (s)	8. Số UN UN number	9. Tên vận chuyển phù hợp (Thông số kỹ thuật) Proper Shipping Nam /(Technical specifications)	10. Loại hàng hóa lass/(Subis diary)	11. Nhóm hàng Packi ng group	12. Additio nal informa tion/Ma rine polluta nt/Flash point/et c.	13. Numb er and kind of packa ges	14. Khối lượng ¹ Mass (kg) or Volume (L)	15.Ems
16. Đại lý tàu biển Shipping agent										

(16.1)....., ngày ... tháng năm 20 ...

Date.....

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (Authorized agent or officer)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness
-----**BẢN KHAI HÀNH LÝ THUYỀN VIÊN, HÀNH KHÁCH
PASSENGER'S EFFECTS, CREW'S EFFECTS DECLARATION**

				Trang số: Page No:	
1.1 Tên tàu: Name of ship				1.2 Số IMO: IMO number	
1.3 Hồ hiệu: Call sign				1.4 Số chuyến đi: Voyage number	
2. Quốc tịch tàu: Flag State of ship					
3. TT No.	4. Họ Family name	5. Tên Given name	6. Chức danh Rank or rating	7. Hành lý phải nộp thuế, bị cấm hoặc hạn chế (*) Effects ineligible for relief from customs duties and taxes or subject to prohibitions or restrictions (*)	8. Chữ ký Signature

(*) Ví dụ: Rượu, còn, thuốc lá bao, thuốc lá sợi v.v...
e.g. wines, spirits, cigarettes, tobacco, etc...

(9)....., ngày tháng ... năm 20 ...

Date.....

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (Authorized agent or officer)

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Chấp thuận cho Bến cảng/Cầu cảng****được tiếp nhận tàu biển có trọng tải lớn giảm tải****Kính gửi:** Cục Hàng hải Việt Nam.

Tên doanh nghiệp:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký kinh doanh: ngày tháng năm tại

Địa chỉ:

Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị chấp thuận cho phép Bến cảng/Cầu cảng... được tiếp nhận tàu biển có trọng tải lớn giảm tải với các thông tin dưới đây:

1. Tên công trình:

2. Vị trí công trình:

3. Giới hạn trọng tải của tàu biển tiếp nhận theo thiết kế ban đầu:

4. Giới hạn trọng tải của tàu biển dự kiến tiếp nhận sau cải tạo, nâng cấp:.....

5. Công năng của bến cảng/cầu cảng:.....

Kính đề nghị Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, chấp thuận./.

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Số: /TTr-CHHVN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Công bố Danh mục bến cảng thuộc các cảng biển Việt Nam

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải.

Căn cứ Nghị định số quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Quyết định số Thủ tướng Chính phủ công bố Danh mục cảng biển Việt Nam.

Cục Hàng hải Việt Nam đã tiến hành rà soát, cập nhật và tổng hợp danh mục các bến cảng tính đến hết năm, cụ thể như sau:

1. Số lượng bến cảng công bố mới:
2. Số lượng bến cảng đổi tên: ...
3. Số lượng bến cảng công bố đóng: ...
4. Nội dung chi tiết các bến cảng công bố mới, đổi tên, công bố đóng:

TT	Tên bến cảng	Thuộc cảng biển	Chi tiết
<i>Bến cảng công bố mới</i>			
<i>Bến cảng được đổi tên</i>			
<i>Bến cảng công bố đóng</i>			

Cục Hàng hải Việt Nam kính trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, công bố Danh mục bến cảng thuộc các cảng biển Việt Nam.

Cục Hàng hải Việt Nam kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT, ...

CỤC TRƯỞNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố Danh mục bến cảng thuộc các cảng biển Việt Nam****BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ

Căn cứ

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục bến cảng thuộc các cảng biển Việt Nam tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2.

1. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn thực hiện quản lý, khai thác bến cảng thuộc các cảng biển Việt Nam theo quy định của pháp luật. Hàng năm tổ chức cập nhật, trình Bộ Giao thông vận tải công bố Danh mục bến cảng thuộc các cảng biển Việt Nam theo quy định.

2. Vụ Kết cấu hạ tầng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, tham mưu cho Lãnh đạo Bộ trong tổ chức quản lý, khai thác và công bố Danh mục bến cảng thuộc các cảng biển Việt Nam theo quy định.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số về việc Công bố Danh mục bến cảng thuộc các cảng biển Việt Nam.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Báo Giao thông;
-
- Lưu: VT,

BỘ TRƯỞNG

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐĐN-
.....(1)

.....(địa danh), ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn(2)**

Kính gửi:(3).....

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Nghị định số...../20..../NĐ-CP ngày ... thángnăm 2019 của Chính phủ quy định về.....

Căn cứ(4)

2. Nội dung đề xuất

a) Chiều dài vùng hoạt động: (từ.....đến.....);

b) Chiều rộng vùng hoạt động: (từ.....đến.....);

c) Tọa độ các điểm xác định vùng hoạt động (theo Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000):.....

d) Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác;

đ) Các nội dung khác

.....

.....

..... (5)..... kính đề nghị(3)xem xét,
chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn tại.....(2)

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT,(7)

THỦ TRƯỞNG (6)

(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:

(1) Ký hiệu viết tắt của cơ quan, tổ chức (đơn vị, doanh nghiệp).

(2) Nêu tên vùng hoạt động (nếu có).

(3) Nêu tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận theo quy định tại Nghị định này.

(4) Nêu: Quyết định phê duyệt (nếu có).

(5) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).

Mẫu số 67

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-CHHVN

....., ngày tháng.... năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ;

Xét Đơn đề nghị chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn của(1)..... và các hồ sơ liên quan;

Theo đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn của(1)....., với các nội dung:

1. Vị trí và phạm vi vùng hoạt động:

a) Quy mô, diện tích:

b) Vị trí tọa độ các điểm khống chế vùng hoạt động của tàu lặn theo bảng Phụ lục kèm theo

Theo vị trí tọa độ các điểm khống chế vùng hoạt động do(3)..... lập ngày... tháng ...

năm...

2. Thời gian sử dụng vùng nước:

3. Các yêu cầu về biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

2. Chủ khai thác:

- Địa chỉ trụ sở:

- Số điện thoại:

3. Mục đích sử dụng:

Điều 2.(2)trong quá trình khai thác vùng hoạt động tàu lặn có trách nhiệm:

a) Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại Nghị định số .../20..../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 20... của Chính phủ quy định về

b) Không được phép hoạt động trái mục đích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

.....

Điều 3. Các(4)..... và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổ chức đề nghị chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn (01 bản);
-;
- Lưu: VT,....

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1). Tên của tổ chức cá nhân đề nghị chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn.
- (2). Thông tin về phạm vi vùng hoạt động tàu lặn:
- (3). Tên của tổ chức lập tọa độ các điểm khống chế vùng hoạt động của tàu lặn.
- (4). Các cá nhân là thủ trưởng các tổ chức có liên quan.

**TÊN TỔ CHỨC KHAI
THÁC TÀU LẶN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động

Kính gửi: Cảng vụ Hàng hải.

1. Thông tin về tổ chức khai thác tàu lặn

- a) Tên tổ chức khai thác tàu lặn:.....
- b) Địa chỉ:.....
- c) Số điện thoại liên hệ:
- d) Người đại diện theo pháp luật:
- đ) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do (Tên cơ quan cấp) cấp
.....ngày.....tháng.....năm

2. Thông tin về tàu lặn

- a) Tên tàu lặn:
- b) Vùng khai thác
- c) Quyết định chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn sốdo (Tên cơ
quan cấp) cấp ngày thángnăm
- d).....

3. Hồ sơ phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động

- a) Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận đăng ký, đăng kiểm tàu lặn;
- b) Bản điện tử hoặc bản sao điện tử Quyết định về việc giao khu vực biển;
- c) Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử Phương án bố trí người khai thác tàu lặn;
- d) Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử Phương án đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và tìm kiếm cứu nạn trong quá trình khai thác hoạt động tàu lặn.

Kính đề nghị Cảng vụ Hàng hải.....xem xét, phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động./.

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC KHAI THÁC TÀU LẶN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-CVHH

....., ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ HÀNG HẢI

Căn cứ

Theo đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức khai thác tàu lặn sau đây được phép tiến hành hoạt động khai thác tàu lặn:

1. Tên Tổ chức khai thác tàu lặn:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại liên hệ:

3. Người đại diện theo pháp luật:

4. Thông số kỹ thuật tàu lặn:

.....

Điều 2. Tổ chức khai thác tàu lặn có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung trong phương án đã được phê duyệt và những yêu cầu bắt buộc như sau:

.....

Điều 3. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan căn cứ quy định của Quyết định này và các quy định có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trong khu vực cảng biển

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Pháp chế, Thanh tra, Tổ chức khai thác tàu lặn, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục HHVN;
- Các Sở:.....;
-;
- Lưu: VT,....

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)